

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

NGÔN NGỮ NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN BÁ HỌC VÀ PHẠM DUY TỐN

THE NARRATIVE LANGUAGE IN NGUYEN BA HOC'S AND PHAM DUY TON'S SHORT STORIES

CAO THỊ HẢO

(TS, Đại học Sư phạm Thái Nguyên)

Abstract

This article surveys Nguyen Ba Hoc's and Pham Duy Ton's stories to point out a moral educational trend, as a characteristic influence of Medieval literature, presented through vivid narrative. Narrative language in Nguyen Ba Hoc's and Pham Duy Ton's stories appears in various ways: the alternative comments and descriptions, the story lively leading style, the wise lessons at end of some stories,... That helps the authors a lot in confirming and praising the good moral values of the Nation and criticizing the negative, immoral behaviours and characters.

1. Cùng với ngôn ngữ nhân vật, ngôn ngữ người kể chuyện là một trong những phạm trù cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật văn xuôi. Ngôn ngữ người kể chuyện luôn “đảm đương chức năng trần thuật, giới thiệu, miêu tả, bình luận con người và sự kiện”⁽¹⁾. Việc khám phá ngôn ngữ người kể chuyện sẽ cho chúng ta nhiều chỉ dẫn thú vị về thế giới nghệ thuật của nhà văn với những đặc điểm riêng chi phối ngòi bút của họ.

Nguyễn Bá Học và Phạm Duy Tốn được coi là hai tác giả tiên phong của truyện ngắn hiện đại Việt Nam. Đầu thế kỉ XX, khi văn xuôi quốc ngữ mới xuất hiện thưa thớt và lẻ tẻ thì Nguyễn Bá Học đã có tới bảy truyện ngắn và Phạm Duy Tốn có bốn truyện ngắn đăng trên *Nam Phong tạp chí*. Các ông được coi là những tác giả “viết đoàn thiên tiểu thuyết theo lối mới trước nhất”⁽²⁾ ở nước ta, nhưng tác phẩm của họ vẫn mang tính giao thoa giữa lối viết truyền thống ảnh hưởng văn học trung đại và cách viết hiện đại du nhập từ phương Tây. Đặc biệt, dấu

ấn của văn học trung đại vẫn chi phối ngòi bút của các tác giả này khá rõ qua ngôn ngữ người kể chuyện.

2. Trong văn học trung đại Việt Nam, ngôi thứ nhất xưng *tôi* chỉ là nhân vật chính trong những bài du kí, tự thuật khi cái *tôi* nhà văn hoà nhập với thiên nhiên. Đối với văn xuôi kể chuyện đời thường, loại nhân vật này thường được dành cho một vị trí danh dự: *người chép chuyện*. Người chép chuyện thường được nghe câu chuyện do nhân vật chính kể lại hoặc được chứng kiến những sự kiện, dấu ấn của sự việc. Tuy là người đứng ngoài cuộc nhưng họ vẫn có vai trò quan trọng khi chính họ là người phẩm bình, đánh giá về sự việc, hướng người đọc tới những thái độ khen, chê khác nhau, nhằm rút ra những bài học khuyến thiện trừng ác để treo gương giáo dục đạo đức. Điều này thể hiện khá rõ qua ngôn ngữ người kể lại. Truyện ngắn của Nguyễn Bá Học và Phạm Duy Tốn hầu hết vẫn mang đặc tính này. Trước hết tác giả - người kể chuyện vẫn thể hiện cảm xúc của mình một cách khá rõ ràng đối với hai loại nhân vật chính diện

và phân diện. Khảo sát đề tài này, chúng tôi một mặt muốn nêu rõ cái đặc sắc trong ngôn ngữ của mỗi tác giả, mặt khác muốn khái quát thành nét chung của các nhà văn cùng thời về việc sử dụng ngôn ngữ của người kể chuyện ở giai đoạn này.

2.1. Trong truyện ngắn Nguyễn Bá Học⁽³⁾, ngôn ngữ người kể chuyện luôn nghiêng về sắc thái ngợi ca với một thái độ trân trọng, ngưỡng mộ đối với nhân vật chính diện. Ở *Chuyện ông Lý Chấm*, ngay lời mở đầu người đọc đã được tiếp cận với nhân vật chính diện khi tác giả không tiếc lời ca tụng: “*Làng Nghi Tâm là một làng cổ cựu ở hoàng thành Thăng Long là chỗ cổ để đồ thiêu gì khoa hoạn, thiêu gì anh hào, mà công cả tiếng thơm nghìn thu hương hoá, lại về một tay lý dịch*”. Đó là ông Lý Chấm, ông đã thành “*một đấng phúc thần ở làng ấy*” khi đã phá bỏ cho dân làng một cái lệ phiền hà, tốn kém, nhiều nhưng bao nhiêu năm này: tề tiến chim sấm cầm. Kết thúc truyện vẫn là những lời tụng ca về nhân vật của người kể chuyện: “*Về vang thay! Ông Lý Chấm! Hào kiệt thay! Ông Lý Chấm! Ý khí mạnh hơn oai quyền, mưu cao đã nên công lớn; hương khói để nghìn thu, thơm tho trong một xứ: thế mới đáng sống ở làng, thế mới gọi sang ở nước*”. Và bài học nêu gương được rút ra để khuyên răn giáo hoá độc giả: “*Nào những kẻ ăn lận con em, ý quyền cha chú, lại hay công rấn cắn gà, lại hay bới bèo ra bọ, thế cũng gọi là hào, thế cũng gọi là mục, sao chẳng đến Nghi Tâm mà hỏi thăm ông Lý Chấm*”. Chỉ thông qua ngôn ngữ người dẫn chuyện, nhân vật Lý Chấm đã hiện lên trong mắt độc giả là nhân vật hội tụ mọi ưu điểm tốt đẹp: về vang, hào kiệt, có ý chí, đặc biệt là thương dân, vì dân.

Ngược lại, đối với nhân vật phản diện, ngôn ngữ người kể chuyện lại chủ yếu là những lời phê phán, chê bai, phủ nhận. Phê phán kẻ tham mê sắc dục, ông chê trách: “*Kìa người đã xả thân tuyệt tục, còn phải mang lấy nghiệp vào mình; huống chi người từng dục tử tình, biết bao giờ cho ra khỏi bển mê bẻ khó*” (*Câu chuyện nhà sư*). Tác giả cũng bày tỏ thái độ không bằng lòng với “*những kẻ thiếu niên khách khí ham ăn*

ham chơi quá nổi nên mê, ưa mới nói cũ, đã làm tốn phí bao nhiêu là nước mắt khóc thầm của vợ con, tấm lòng ân hận của cha mẹ” như hai người con trai bà cụ già trong *Câu chuyện gia tình*. Nguyễn Bá Học còn lên tiếng cảnh tỉnh đối với những kẻ giàu có mà hoang phí đến nỗi sa chân thành kẻ ăn mày: “*Than ôi! xa xỉ tất là bại gia, kiêu căng tất là bại đức; vậy giàu sang là cái hạnh phúc hiện thời, biết đâu không phải là cái di hoạn cho con cháu!*” (*Chuyện cô Chiêu Nhi*)....

Trong truyện của Nguyễn Bá Học, độc giả luôn thấy xuất hiện một người kể chuyện thấu hết lẽ đời, chăm chỉ giảng giải đạo lý, ân cần dặn trước nhắc sau bài học luân lí, bình luận về một vấn đề đạo đức có thể xảy ra trong xã hội thực tại. Nhiều đoạn thiên của ông hướng ra xã hội, có vẻ tả chân, song điều thiết yếu đối với tác giả không phải là chép đúng nhân vật và ngôn ngữ ngoài xã hội mà quan trọng nhất là truyện nói lên tư tưởng dạy đời của ông. Khi vào truyện, tác giả thường đưa ra một bài học lí thuyết, giảng giải về luân lí và câu chuyện được kể như là một minh chứng cho thuyết lí đó. Một mô típ vào truyện hết sức quen thuộc: trước hết giảng giải về một phương châm luân lí sau đó chuyện được kể như một minh họa cụ thể. Bắt đầu truyện *Có gan làm giàu*: “*Ngạn ngữ có câu rằng: Làm giàu là đâu mọi sự...*”. Tác giả giảng giải một hồi rồi sau đó mới tiếp: “*Hãy xem câu chuyện một người làm giàu này, dù phép làm giàu chưa phải là chính đáng mà gan làm giàu thực đã tuyệt đối một đời. Kẻ đọc câu chuyện này cũng chẳng cần suy tìm chứng cứ có thực hay không, chỉ đem hai cái gia đình làm so sánh thì thấy cái đạo làm giàu này thực có chân lí và chân thú*”. Như vậy, mục đích của truyện là để thuyết lí cho quan niệm của tác giả về “*cái đạo làm giàu*”, chứ không phải là phản ánh một chuyện có thật ở ngoài đời, nên tác giả đã cảnh báo bạn đọc “*chẳng cần suy tìm chứng cứ có thực hay không*”. Tương tự như vậy, mở đầu *Câu chuyện gia tình* chúng ta cũng bắt gặp ngôn ngữ người dẫn chuyện: “*Ngán thay! Cái thị dục của loài người càng lớn thì sự đua tranh trong xã hội*

càng góm ghê”. Sau khi giảng giải cặn kẽ, tác giả mới dẫn ra câu chuyện như là một ví dụ minh chứng cho vấn đề mình vừa thuyết lí: “*Hãy nghe câu chuyện gia tình của một bà già này, dù cảnh ngộ không lấy gì làm li kì, mà tình trạng đủ làm chứng cái khôn nạn chung trong xã hội*”. Rõ ràng ở đây, câu chuyện chỉ là cái cớ để tác giả gửi gắm một bài học đạo lí. Chính vì vậy, vai trò định hướng của người dẫn là rất quan trọng. Qua ngôn ngữ của người kể chuyện chúng ta thấy rõ điều đó. Nhìn chung, đại đa số truyện của Nguyễn Bá Học thường được thuật theo lối đường thẳng, dưới sự dẫn dắt của ngôn ngữ người kể chuyện.

Không chỉ tác động tới lối kể chuyện, ngôn ngữ người kể chuyện trong truyện ngắn Nguyễn Bá Học nhiều khi đã chi phối tới cả ngôn ngữ của nhân vật. Nhân vật chỉ xuất hiện như là một cái cớ, một minh chứng để tác giả dẫn chứng cho một chủ thuyết nào đó của mình do đó đôi khi vẫn mang tính chất công thức, như một bóng mờ của hiện thực và xem ra còn rất xa sự thật, luôn giữ một khoảng cách nhất định với sự thật. Ngôn ngữ nhân vật vì thế không chân thật, đôi khi chưa phù hợp. Thậm chí, tác giả còn đem cả bài học giáo dục vào những lời đối thoại văn hoa dài dòng của nhân vật. Do đó, chúng ta đừng ngạc nhiên khi thấy một bà già quê mùa mà đàm luận về thế sự nhân tâm lại thấu tình đạt lí như một nhà nho thực thụ (*Câu chuyện gia tình*), một nữ công nhân nhà máy sợi nói chuyện với chồng mà xưng hô thiếp – chàng (*Câu chuyện một tối của người tân hôn*).

Ngoài lời gián tiếp là chủ yếu, truyện ngắn Nguyễn Bá Học còn xuất hiện lời kể theo ngôi thứ nhất xưng *tôi*. Loại lời này thể hiện điểm nhìn khách quan của người kể chuyện, khẳng định anh ta là người đã chứng kiến câu chuyện. Nhân vật “*tôi*” trò chuyện đàm luận về nhân tình thế thái với bà cụ già trong *Câu chuyện gia tình*. Hay nhân vật “*tôi*” đồng cảm thương xót ngôi nghe nổi lòng ân hận đầy cay đắng của một nhà sư sắp từ giã thế gian này vì những lỗi

lầm do chính anh ta gây ra (*Câu chuyện nhà sư*).

Qua ngôn ngữ của người kể chuyện trong các đoạn thiên của Nguyễn Bá Học chúng tôi nhận thấy, vai trò của người kể chuyện có vị trí khá quan trọng khi định hướng nhận thức cho người đọc về giá trị nhân vật tốt hay xấu. Bởi họ là người được nghe kể câu chuyện có thực nào đó trong xã hội và có nhiệm vụ chép lại để làm gương. Tác giả thường chêm xen những lời khen ngợi đối với nhân vật chính diện và khi nhân vật phản diện thực hiện hành vi xấu lập tức buông ngay ra những lời phê phán. Trong phần lớn tác phẩm của nhà văn kiêm nhà giáo này, dung lượng của ngôn ngữ người kể chuyện đã chiếm vị trí áp đảo, như một định hướng cho người đọc khi phẩm bình đánh giá khen chê nhân vật.

2.2. So với Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn đã sử dụng một ngôn ngữ khá mới mẻ trong các truyện ngắn của mình⁽⁵⁾. Ngôn ngữ trong truyện ngắn của ông có sự phối hợp giữa ngôn ngữ tả cảnh, tả việc xen lẫn cả ngôn ngữ tự bạch trữ tình của bản thân người viết, trong khi văn đàn hầu như chỉ có một thứ ngôn ngữ duy nhất của người kể chuyện là tác giả. Ngôn ngữ nhân vật đã được sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng nhất định. Đặc biệt, tác giả dùng ít từ Hán Việt, không đưa những câu thơ, câu Kiều vào tác phẩm – một hiện tượng phổ biến của văn học giai đoạn này. Tuy nhiên, dấu ấn của thời đại vẫn còn lưu lại trên những truyện ngắn được coi là hiện đại ấy khi chúng ta thường bắt gặp lời giảng giải của tác giả, dù là ngắn gọn ở cuối truyện. Trong truyện *Con người Sở Khanh*, tác giả đã xây dựng được một tình huống tương đối khách quan về cú lừa ngoạn mục của chàng Át giả danh là thầy Thông cưới được cô Giáp - con gái của một phú hộ giàu có để cuỗm hết tiền bạc. Người đọc có thể tự suy luận ra nguyên nhân dựa trên những tình tiết được miêu tả trong truyện (như anh ta đã bỏ vợ bơ vơ trong đêm khuya giữa Hà Nội, mang hết đồ đạc và tiền của đi, không rõ quê quán xuất thân...), nhưng cuối tác phẩm tác giả lại kể rõ ngọn ngành: “*Cách hai ba tháng sau, dò la mãi, quả nhiên biết rõ tin*

rằng: *Cậu Sở ấy đồng mưu với một ả giang hồ, để lập cái kế tàn nhẫn này, mà lấy của và hại một đời người đồn bà đầu xanh tuổi trẻ. Xong rồi, hai đứa đem nhau trốn sang đầu Xiêm, Lào, để cùng vui hưởng cái của bất nhân bất nghĩa*”. Đây là lời giải thích đồng thời cũng là lời phê phán của người kể chuyện đối với hành động của nhân vật (thể hiện rõ trong lời chê trách: *cái kế tàn nhẫn, cái của bất nhân bất nghĩa*...). Rõ ràng, ngôn ngữ người kể chuyện vẫn luôn là một la bàn có chức năng chỉ dẫn, định hướng, áp đặt, chi phối tới nhận thức của độc giả về nhân vật.

Bên cạnh đó, những lời cảm thán, bày tỏ thái độ của người kể chuyện, dù khá kín đáo nhưng vẫn xuất hiện trong một số tác phẩm của Phạm Duy Tồn. Đó là thái độ xót thương, đồng cảm trước nỗi khổ của người dân trong cảnh *“nước tràn lênh láng xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết, kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn”* được gửi gắm qua các thán từ: *Than ôi.., Mặc.., áy đó... Kể sao cho xiết...(Sống chết mặc bay)*. Hay nỗi cảm thương đầy chua xót trước nghịch cảnh của số phận trở trêu khi một *“ông lão đầu râu tóc bạc”*, *“gày gò yếu đuối khăng kheo, cố công cùng sức kéo miết cái xe tay”* trên xe *“chông chát hai bờ”*, lại còn *“một mụ vất vẻo ngự ở trong”* khiến tác giả chỉ biết than trời: *Trời ơi ! Sao mà lại có cái cực khổ đường này, hử ông trời xanh cao ngất ? (Câu chuyện thương tâm)....* Rõ ràng, tác giả - người kể chuyện vẫn chưa từ bỏ được thói quen bình phẩm sau mỗi sự việc tốt, xấu như để giải thích, định hướng cho người đọc thấu hiểu bản chất sự việc và định tính nhân vật. Có lẽ, đây cũng là một trong những cơ sở để Vũ Ngọc Phan nhận định: *“Truyện ngắn của Phạm Duy Tồn chỉ mới là những truyện thoát li hẳn được cái khuôn sáo của truyện Tàu, chưa thể coi là những đoản thiên tiểu thuyết tả chân được”*⁽⁶⁾.

3. Qua nhận định bước đầu về ngôn ngữ người kể chuyện trong truyện ngắn của hai tác giả tiên phong của văn xuôi quốc ngữ

Việt Nam giai đoạn đầu thế kỉ XX, chúng tôi nhận thấy, ngôn ngữ người kể chuyện dù được thể hiện qua những câu phẩm bình xen kẽ trong những lời miêu tả, dẫn dắt câu chuyện hay xuất hiện như những bài thuyết lí về một vấn đề cụ thể, thường được đặt ở đầu hoặc cuối mỗi truyện, thì vẫn luôn đặt ra vấn đề về đạo đức, trong đó khẳng định những giá trị đạo lí truyền thống và phê phán những nhân vật, hành động đi ngược lại với đạo lí cha ông. Không chỉ trong truyện ngắn của Nguyễn Bá Học và Phạm Duy Tồn ngôn ngữ người kể chuyện mới mang đặc điểm này, mà đây là một đặc điểm khá phổ biến trong văn xuôi giai đoạn giao thời ấy. Trong tác phẩm của Nguyễn Chánh Sắt, Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Lê Hoàng Mưu... hiện tượng này cũng xuất hiện. Sở dĩ có hiện tượng như vậy là vì ở giai đoạn này văn hoá phương Tây xâm thực vào nước ta, tuy mang theo những điểm tích cực nhất định nhưng trong con mắt các nhà văn - người ít nhiều chịu sự chi phối của thế giới quan Nho giáo - vẫn có không ít những điểm xấu ảnh hưởng tới lối sống của con người phương Đông. Do đó, với các tác giả giai đoạn này, trong đó có Nguyễn Bá Học và Phạm Duy Tồn, viết văn phải gắn liền với mục đích quan trọng là chinh đốn nhân luân, tài bồi đạo đức. Điều này đã phần nào được hiện thực hoá khá rõ qua ngôn ngữ người kể chuyện.

Tài liệu tham khảo

- (1). Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, tr178.
- (2),(6). Vũ Ngọc Phan (1998), *Nhà văn hiện đại* (tập 1), Nxb Văn học, Hà Nội, tr121, tr132.
- (3),(4). Phạm Hồng Toàn (2003), (sưu tầm), *Nguyễn Bá Học con người và tác phẩm*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội. (Các trích dẫn về truyện ngắn của Nguyễn Bá Học đều trích trong tài liệu này).
- (5). Phạm Duy Tồn (2002), *Tác phẩm chọn lọc*, (Phạm Duy sưu tầm), Nxb Văn học, Hà Nội. (Các trích dẫn về truyện ngắn Phạm Duy Tồn đều trích trong tài liệu này).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-09-2012)